

19 Tháng Ba 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn



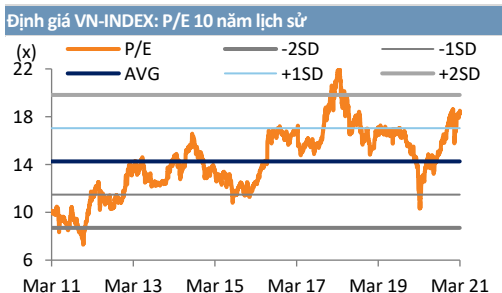
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,194.05	1.06	1.75	64.48
HNX	277.70	1.38	20.12	174.98
UPCOM	81.48	1.43	7.02	63.28
MSCI EM	1,347.33	-0.06	-5.78	75.80
NIKKEI	29,792.05	0.25	-0.75	79.98
HANG SENG	28,990.94	0.87	-5.40	33.54
KOSPI	3,039.53	-0.49	-2.19	108.52
FTSE	6,737.80	-0.35	1.72	30.79
S&P 500	3,915.46	-0.61	0.22	62.51
NASDAQ	13,116.17	-2.11	-5.47	83.43

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.40	2.50	13.70
SET INDEX	36.37	1.72	4.35
JCI INDEX	33.92	1.65	4.12
PCOMP INDEX	28.89	1.58	6.15

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.13	6	8	-97
10 năm	2.45	10	23	-32

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,074	-0.12	-0.26	1.29
US\$/KRW	1,131	0.22	-2.24	13.66
US\$/JPY	109	0.28	-3.02	1.82
US\$/EUR	0.84	0.38	1.77	-10.21
US\$/GBP	0.72	-0.14	0.50	-17.61
US\$/SGD	1.34	0.19	-1.37	8.08

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	583	595	320
HNX	115	94	39
UPCOM	39	45	20



Nhận định thị trường

Vượt ngưỡng 1.200, xu hướng tăng của VN-Index sẽ tiếp diễn?

Trong tuần được dự báo sẽ khó bút phá khi có phiên đảo hạn phái sinh ngày 18/03 và chốt danh mục ETF trong phiên ngày 19/03, tuy nhiên VN-Index đã bất ngờ có phiên tăng mạnh ngày 18/03 hơn 14 điểm để chính thức có phiên đóng cửa trên mốc 1.200 sau gần 3 năm. Trong phiên cuối tuần (19/03) chỉ số đã có diễn biến điều chỉnh 6,88 điểm để chốt tuần tại 1.194,05, tăng 12,49 điểm (+1,04%).

Nhóm Ngân hàng đóng góp 6/10 vị trí ảnh hưởng tích cực đến VN-Index nhiều nhất trong tuần. Dẫn đầu là CTG với mức đóng góp 2,48 điểm, các mã tiếp theo lần lượt là TCB +1,82 điểm, BID +1,77 điểm cho, MBB +0,71 điểm cho VIC +0,67 điểm và ACB +0,49 điểm. Tổng cộng nhóm cổ phiếu ngân hàng đã giúp VN-Index tăng gần 8 điểm. HVN là cổ phiếu tăng mạnh nhất trong top 10 với mức tăng 10,18% trong tuần. Ở chiều tiêu cực, VHM và VCB là 2 cổ phiếu ảnh hưởng lớn nhất đến VN-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -1,84 điểm và -1,58 điểm.

Khối ngoại vẫn tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng cả 5 phiên giao dịch, tổng cộng khối ngoại đã bán ròng hơn 3.177 tỷ đồng trong tuần. VNM tiếp tục bị khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị 655 tỷ đồng, tiếp đến là CTG với giá trị 536 tỷ đồng. Bên phía mua ròng, chứng chỉ quỹ FUEVFVND của ETF VNDiamond được khối này mua 378 tỷ và là mã được mua ròng mạnh nhất trong tuần.

Phiên điều chỉnh giảm kéo VN-Index trở lại dưới mốc 1.200 nhưng việc đóng cửa trên mốc 1.200 trong phiên 18/03 được đánh giá chỉ số đã chinh phục thành công ngưỡng này. Xu hướng ngắn hạn của chỉ số là tích cực và có thể tiếp tục duy trì diễn biến tăng điểm trong tuần sau. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức +4 (**KHẢ QUAN**)

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, Phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	4	KHẢ QUAN
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin tuần

Thị trường trái phiếu:

- **Thị trường trái phiếu:** Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 2.200 tỷ đồng TPCP, tương đương 33,6% tổng lượng gọi thầu. Kỳ hạn 10 năm có tỷ lệ phát hành thành công 50% tương ứng 1.000 /2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,25% (+3bps); Kỳ hạn 15 năm trúng thầu 1.000/ 2.000 tỷ đồng (50%) tại mức lợi suất 2,48% (+3bps); Kỳ hạn 30 phát hành thành công 150/ 500 tỷ đồng tại mức lợi suất 3,05% (+4bps). Kỳ hạn 7 năm khi chỉ trúng 31/ 1.000 tỷ đồng được phát hành thành công ở mức lợi suất 1,45% (-1bps), trong khi kỳ hạn 5 năm đã thất bại. Nhu cầu thị trường ở mức thấp thể hiện ở tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu giảm từ 2,27 lần về 1,87 lần.
- Ngày 24/03 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 5.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; và (4) kỳ hạn 20 năm có giá trị 500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tại ngày 17/03, các kỳ hạn ngắn trong xu hướng giảm, cụ thể như kỳ hạn O/N giảm 1bps về 0,28%, kỳ hạn 1 tuần giảm 3bps về mức 0,38% và kỳ hạn 2 tuần giảm 2bps về 0,47%. Trong khi đó kỳ hạn 1 tháng tăng 110bps lên 0,5%, các kỳ hạn khác như kỳ hạn 6 tháng tăng 19bps lên 2,91% và kỳ hạn 3 tháng không đổi mức 1,43%.
- **Tỷ giá VND/USD tham chiếu** tại ngày 19/03/21 của NHNN trong tuần đã tăng 0,047% lên mức 23.194 VND/USD. Tỷ giá NHTM đã có biến động cùng chiều khi tăng 0,087% ở chiều mua và 0,086% ở chiều bán lên mức 22.950 – 23.160 VND/USD. Trong khi đó tỷ giá tự do đã hạ nhiệt về mức 23.840 – 23.900 tương ứng mức giảm 0,251% chiều mua và 0,209% chiều bán.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

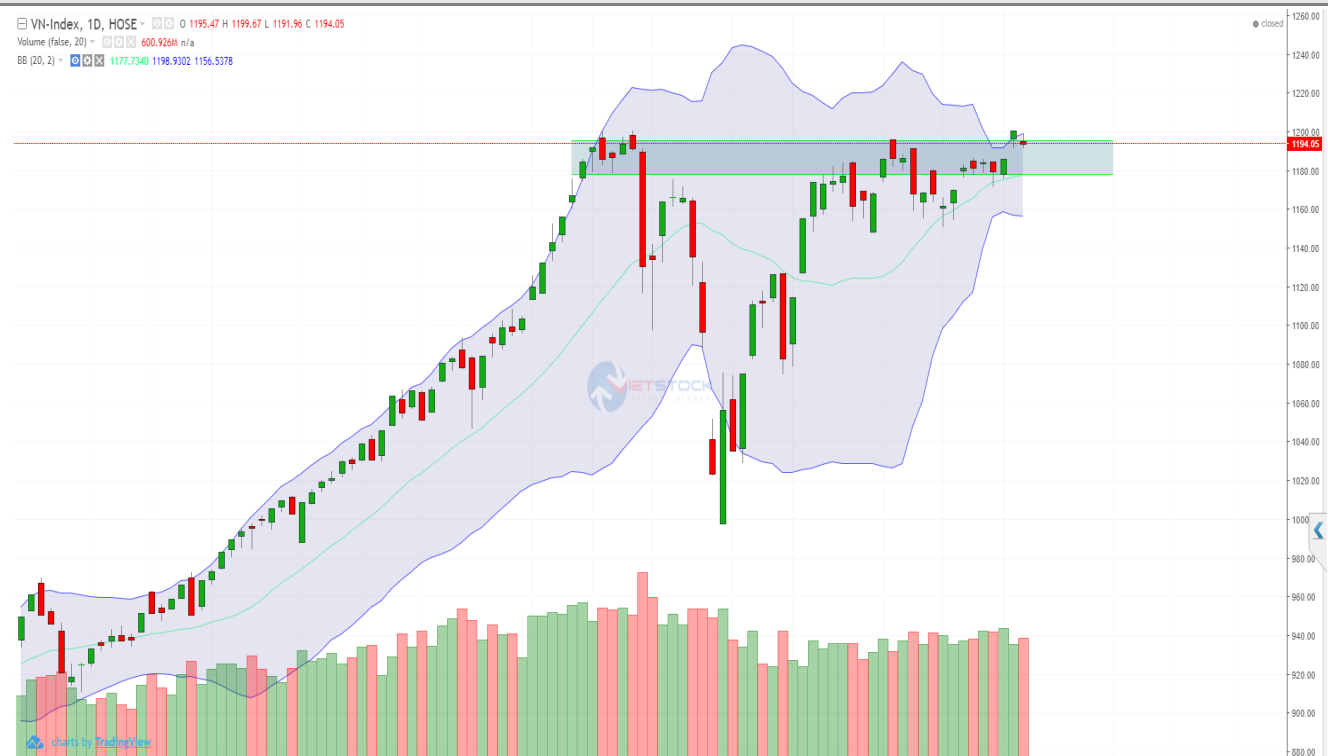
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (05/02/2021)	1.194,05 (+1,06% WoW)	Kháng cự 1 1.200
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 N/A
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1180
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.150

VN-Index đã vượt ngưỡng 1.200 trong phiên 18/03, tạo ra tín hiệu phá vỡ xu hướng tích lũy để hình thành xu hướng tăng điểm mới. Ngưỡng 1.200 là kháng cự mạnh về tâm lý đồng thời là đỉnh cũ do đó chúng tôi cho rằng diễn biến kiểm tra ngưỡng này sẽ còn xuất hiện trong tuần sau. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức +4 (**KHẢ QUAN**).

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

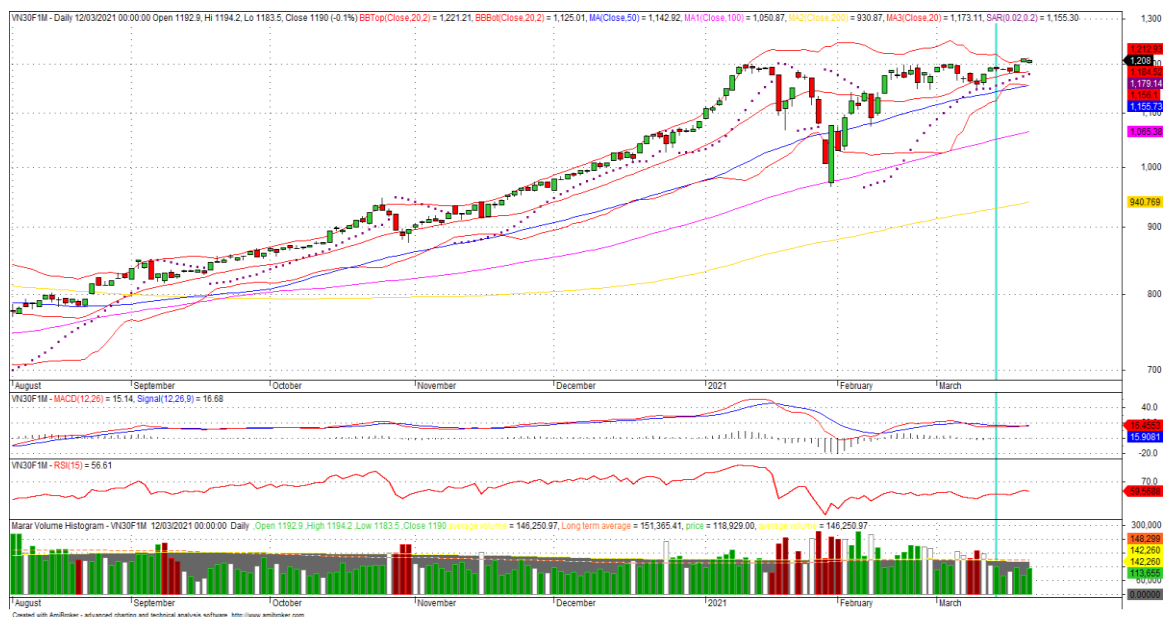
Nhận định phái sinh

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	5	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	4	TRUNG TÍNH

- Sau phiên break 1,200, chốt tuần hợp đồng phái sinh VN30F1M vẫn duy trì tích cực ở trên vùng giá này.
- Với diễn biến break đỉnh tích cực đã tạo lập xu hướng tăng trong ngắn hạn đối với hợp đồng phái sinh VN30F1M. Vì vậy chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư có thể mở vị thế LONG (MUA) theo chiến lược sau:

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	1,200
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	1,195
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	1,240

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fiiipro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.7	3,628,075	4	KHẢ QUAN	3,703	12.0	1.0
ACB	33.8	10,876,670	2	TRUNG TÍNH	73,061	9.5	2.1
ASM	16.7	3,565,455	6	KHẢ QUAN	4,323	8.7	1.0
BID	45	2,295,430	6	KHẢ QUAN	180,991	25.9	2.4
BSR	16.7	16,819,944	0	TRUNG TÍNH	51,778	18.6	1.5
BVH	61	765,050	7	KHẢ QUAN	45,282	29.2	2.3
CEO	12.1	5,366,210	0	TRUNG TÍNH	3,114	#N/A N/A	1.1
CII	24	2,504,695	7	KHẢ QUAN	5,732	23.3	1.2
CTD	77.8	912,115	2	TRUNG TÍNH	5,779	13.5	0.7
CTG	40.45	10,387,405	4	KHẢ QUAN	150,612	11.0	1.8
CTR	97.3	509,770	-4	TIÊU CỰC	6,984	37.9	7.8
DBC	60.9	2,471,745	4	KHẢ QUAN	6,380	4.4	1.5
DCM	17.3	4,814,640	4	KHẢ QUAN	9,159	16.8	1.5
DGC	71.7	849,120	-4	TIÊU CỰC	10,667	12.5	2.7
DGW	121	343,170	-2	TRUNG TÍNH	5,203	20.4	4.6
DIG	32.45	4,710,875	5	KHẢ QUAN	10,220	15.5	2.1
DPM	19.6	3,025,335	6	KHẢ QUAN	7,670	11.8	0.9
DRC	30	2,025,735	7	KHẢ QUAN	3,564	13.9	2.1
DXG	25.4	7,961,010	7	KHẢ QUAN	13,164	#N/A N/A	2.1
FCN	14.4	3,644,310	0	TRUNG TÍNH	1,806	15.3	0.8
FLC	8.02	20,586,040	5	KHẢ QUAN	5,694	35.6	0.6
FPT	79.8	2,259,905	4	KHẢ QUAN	62,556	17.7	4.0
FRT	30.4	1,729,335	6	KHẢ QUAN	2,401	97.1	2.0
GAS	90.9	985,525	-4	TIÊU CỰC	173,978	22.5	3.6
GEX	23.7	6,097,065	7	KHẢ QUAN	11,423	14.2	1.7
GIL	70.1	548,970	-2	TRUNG TÍNH	2,522	6.1	1.9
GMD	32.95	2,145,315	0	TRUNG TÍNH	9,930	29.1	1.7
GTN	24.7	1,695,600	-4	TIÊU CỰC	6,175	60.4	2.4
GVR	30	4,236,880	2	TRUNG TÍNH	120,000	28.0	2.5
HAG	5.19	7,260,985	4	KHẢ QUAN	4,813	#N/A N/A	0.8
HAH	26.15	1,861,130	4	KHẢ QUAN	1,239	9.6	1.2
HAP	15.2	2,516,375	5	KHẢ QUAN	843	20.8	1.2
HBC	18.25	7,894,005	-2	TRUNG TÍNH	4,202	56.4	1.2
HCM	32.7	4,465,395	5	KHẢ QUAN	9,975	18.8	2.2
HDB	27.15	4,745,600	6	KHẢ QUAN	43,271	10.2	1.9
HDC	45.35	1,205,115	2	TRUNG TÍNH	3,016	13.0	2.7
HDG	47.6	1,846,070	7	KHẢ QUAN	7,343	7.6	2.3
HNG	12.3	10,146,665	2	TRUNG TÍNH	13,635	634.6	1.6
HPG	47.15	19,601,690	3	TRUNG TÍNH	156,221	11.6	2.6
HPX	37.4	1,017,400	4	KHẢ QUAN	9,892	36.0	3.1
HQC	2.99	16,382,265	0	TRUNG TÍNH	1,425	148.5	0.3
HSG	29.1	9,301,970	3	TRUNG TÍNH	12,929	8.6	1.8
HUT	6.1	6,845,895	2	TRUNG TÍNH	1,639	#N/A N/A	0.6
HVN	33.55	1,681,440	7	KHẢ QUAN	47,584	#N/A N/A	7.4
IDC	37.5	3,722,455	-4	TIÊU CỰC	11,250	37.3	3.1
IJC	32.75	8,168,390	3	TRUNG TÍNH	7,110	12.8	2.2
ITA	6.91	10,130,980	2	TRUNG TÍNH	6,484	37.3	0.6
KBC	41.45	4,910,405	3	TRUNG TÍNH	19,495	114.2	2.0
KDC	50.6	1,202,725	-4	TIÊU CỰC	11,575	50.8	2.0
KDH	32.45	1,719,650	3	TRUNG TÍNH	18,133	15.9	2.2
KSB	34.2	1,926,970	-2	TRUNG TÍNH	2,279	8.1	1.4
LCG	16	5,950,415	-6	TIÊU CỰC	1,838	5.9	1.0

LDG	8	6,497,160	4	KHẢ QUAN	1,916	160.0	0.6
LPB	16.3	12,329,015	2	TRUNG TÍNH	17,517	9.4	1.2
MBB	29.2	18,039,490	4	KHẢ QUAN	81,724	9.8	1.7
MBS	23.3	2,047,385	-4	TIÊU CỰC	3,829	14.2	1.9
MSN	88.5	1,139,625	-2	TRUNG TÍNH	104,194	84.2	6.5
MWG	133	851,615	0	TRUNG TÍNH	61,995	15.4	3.9
NKG	23.1	6,534,345	7	KHẢ QUAN	3,982	13.6	1.3
NLG	35.55	1,621,960	-2	TRUNG TÍNH	9,786	11.3	1.7
NVB	15.1	5,984,970	-4	TIÊU CỰC	6,143	5,068.3	1.4
NVL	79	2,320,645	-7	TIÊU CỰC	84,052	19.9	3.0
OIL	14.7	2,850,360	-2	TRUNG TÍNH	15,100	65.5	1.6
PDR	68.5	3,573,215	7	KHẢ QUAN	27,138	23.2	5.3
PET	23.8	2,784,270	0	TRUNG TÍNH	1,989	14.8	1.3
PHR	62.8	911,990	2	TRUNG TÍNH	8,509	7.9	2.7
PLX	56.3	3,567,880	-6	TIÊU CỰC	68,619	89.2	3.2
POW	13.4	16,816,060	-1	TRUNG TÍNH	31,381	14.3	1.1
PVD	23.3	10,795,750	-7	TIÊU CỰC	9,812	81.9	0.7
PVM	27	2,060,555	-2	TRUNG TÍNH	1,043	20.9	2.2
PVS	23.9	13,950,955	-4	TIÊU CỰC	11,423	17.6	0.9
PVT	17.8	4,920,925	-1	TRUNG TÍNH	5,761	9.1	1.2
REE	56.2	877,985	-1	TRUNG TÍNH	17,369	10.7	1.5
ROS	4.02	15,842,145	4	KHẢ QUAN	2,282	1,340.0	0.4
S99	28.5	1,988,990	-6	TIÊU CỰC	1,494	9.2	1.9
SBT	23	4,342,395	2	TRUNG TÍNH	14,195	24.3	1.8
SCR	9.05	4,363,360	2	TRUNG TÍNH	3,316	18.6	0.7
SHB	19.6	32,492,796	5	KHẢ QUAN	34,310	12.5	1.4
SHS	29.3	7,860,140	5	KHẢ QUAN	6,073	8.0	1.9
SSI	33.3	11,760,005	-2	TRUNG TÍNH	21,508	15.9	2.0
STB	19.6	23,225,500	4	KHẢ QUAN	35,352	13.2	1.2
SZC	41	1,005,430	-6	TIÊU CỰC	4,100	22.0	3.2
TCB	42	12,572,020	7	KHẢ QUAN	147,206	11.9	2.0
TCH	23	4,996,520	2	TRUNG TÍNH	8,612	8.9	1.6
TDC	23	1,664,445	-4	TIÊU CỰC	2,300	13.8	1.8
TNG	24.3	2,733,440	-2	TRUNG TÍNH	1,933	11.6	1.6
TPB	28.9	4,720,980	0	TRUNG TÍNH	29,815	8.2	1.8
VCB	94.2	1,228,815	-7	TIÊU CỰC	349,376	18.9	3.5
VCI	67.4	1,247,610	7	KHẢ QUAN	11,161	14.5	2.5
VGJ	19.3	2,204,945	-4	TIÊU CỰC	9,650	34.3	1.6
VHC	41.9	1,205,355	-1	TRUNG TÍNH	7,624	10.8	1.5
VHM	97.8	2,408,595	-6	TIÊU CỰC	321,714	11.6	3.7
VIC	108.4	1,282,440	3	TRUNG TÍNH	366,655	69.1	4.7
VIX	36.05	7,171,195	-4	TIÊU CỰC	4,604	14.0	2.6
VJC	130.5	642,385	-7	TIÊU CỰC	68,361	988.0	4.6
VND	30.75	5,224,120	7	KHẢ QUAN	6,454	9.2	1.7
VNM	101.7	3,102,205	-2	TRUNG TÍNH	212,548	21.3	6.8
VPB	45.2	5,526,960	6	KHẢ QUAN	110,955	10.6	2.1
VPI	35.9	1,425,845	0	TRUNG TÍNH	7,180	23.4	2.6
VRE	34	4,769,600	-3	TRUNG TÍNH	77,259	32.4	2.6

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Lợi suất trái phiếu tăng vọt sau quyết định của Fed, nhà đầu tư phải quan ngại

Sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) thông báo sẽ không nâng lãi suất từ nay cho đến hết 2023 dù lạm phát có thể lên cao, lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ đã đồng loạt tăng khiến nhiều nhà đầu tư lo ngại ảnh hưởng tới thị trường cổ phiếu.

Lợi suất đồng loạt đi lên sau khi Fed kết thúc phiên họp chính sách hai ngày 16-17/3 và tuyên bố giữ nguyên lãi suất điều hành trong khoảng 0 - 0,25% cho đến hết năm 2023 để trợ lực cho quá trình phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19.

Thông thường, khi tỷ lệ lạm phát vượt mức 2%, Fed sẽ nâng lãi suất và giảm cung tiền để đưa lạm phát quay lại mức mục tiêu. Tuy nhiên ngày 17/3, Chủ tịch Fed Jerome Powell một lần nữa khẳng định Fed sẽ để cho lạm phát lên cao trong một thời gian dài rồi mới tính đến chuyện điều chỉnh chính sách.

Mặc dù duy trì biện pháp hỗ trợ nhưng Fed cũng tỏ ra lạc quan về triển vọng nền kinh tế Mỹ và nâng dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 từ mức 4,2% đưa ra hồi tháng 12/2020 lên thành 6,5% trong cuộc họp lần này.

Trong các năm 2022 và 2023, tăng trưởng GDP được dự đoán sẽ hạ xuống còn lần lượt 3,3% và 2,2%, tỷ lệ dài hạn là 2,3%.

Kỳ vọng lạm phát lõi (core inflation) của Fed tăng lên mức 2,2% trong năm nay, tính theo chỉ số tiêu dùng cá nhân (PCE). Sang năm 2022 và 2023, lạm phát PCE được Fed dự báo ở mức tương ứng là 2% và 2,1%, tỷ lệ dài hạn là 2%.

Thông thường khi ngân hàng trung ương duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng, lợi suất cũng sẽ thấp. Tuy nhiên hiện nay, các nhà đầu tư đang lo ngại lạm phát trong tương lai sẽ lên cao vì các kích thích tài khóa khổng lồ và quá trình hồi phục kinh tế, mà Fed thì tuyên bố sẽ không can thiệp, khiến cho giá trị tương lai của dòng tiền bị ăn mòn.

Moody's nâng triển vọng tín nhiệm của 15 ngân hàng Việt

Hãng xếp hạng tín nhiệm Moody's mới đây đã xác nhận xếp hạng tiền gửi nội tệ và ngoại tệ dài hạn, theo đó áp dụng xếp hạng của 15 ngân hàng Việt ở mức Ba3.

Đồng thời, Moody's điều chỉnh triển vọng xếp hạng nhà phát hành và tiền gửi nội tệ & ngoại tệ dài hạn của 5 ngân hàng từ "Tiêu cực" lên "Tích cực", 4 ngân hàng được điều chỉnh từ "Ổn định" lên "Tích cực" và 6 ngân hàng từ "Tiêu cực" lên "Ổn định".

15 ngân hàng trong diện điều chỉnh bao gồm: ABBank, HDBank, Vietcombank, BIDV, LienVietPostBank, MB, OCB, SeABank, TPBank, Agribank, VIB, VietinBank, VPBank, Techcombank.

Cụ thể, 5 ngân hàng được nâng triển vọng từ "Tiêu cực" lên "Tích cực": Vietcombank, Agribank, VietinBank, Techcombank, BIDV

4 ngân hàng được điều chỉnh từ "Ổn định" lên "Tích cực": OCB, TPBank, VPBank, VIB

6 ngân hàng được điều chỉnh từ "Tiêu cực" lên "Ổn định": ABBank, ACB, HDBank, LienVietPostBank, MB, SeABank

HSBC: Chứng khoán Việt Nam ngày càng đáng đầu tư

HSBC không đồng tình với quan điểm chung cho rằng thị trường cổ phiếu Việt Nam quá nhỏ. Số cổ phiếu có vốn hóa thị trường hơn 5 tỷ USD hiện là 11, tăng đáng kể so với chỉ có 2 mã hồi năm 2015. Giá trị giao dịch bình quân ngày năm 2020 là 430 triệu USD, cao kỷ lục, và gần đây còn tiến sát mốc 1 tỷ USD.

So sánh với khu vực, Philippines có 13 cổ phiếu vốn hóa thị trường trên 5 tỷ USD, giá trị giao dịch bình quân hàng ngày 228 triệu USD. Tại Thái Lan và Indonesia, giá trị giao dịch bình quân hàng ngày là 3 tỷ USD và 1,5 triệu USD.

Trong ngắn hạn, Việt Nam hiện là một thị trường đáng để đầu tư, HSBC đánh giá.

Nhà đầu tư nước ngoài từng giữ tâm lý thận trọng với thị trường Việt Nam. Sau giai đoạn bùng nổ kinh tế và suy thoái năm 2007 – 2009, VN-Index kẹt trong vùng 400 – 600 điểm cho đến năm 2015. Hàng

loạt cải cách được chính phủ triển khai trong năm 2011 – 2013 để giải quyết vấn đề cấu trúc trong doanh nghiệp nhà nước và lĩnh vực ngân hàng bắt đầu mang lại kết quả từ năm 2015, tăng trưởng kinh tế bắt đầu phục hồi. Tuy nhiên, ký ức về giai đoạn quá nóng năm 2008 – 2009 vẫn hiện hữu.

Nhà đầu tư còn hoài nghi, nhiều người cho rằng sự tăng trưởng này là không bền vững nhưng thực tế cho thấy lo ngại của họ “quá sớm”.

Một lý do thường được khối ngoại đưa ra để giải thích tại sao khó mua cổ phiếu tại Việt Nam là giới hạn sở hữu nước ngoài. HSBC xem xét nhanh chỉ số VN30 gồm 30 công ty vốn hóa lớn và nhận định nhà đầu tư nước ngoài vẫn có đủ mã có thể đầu tư để lựa chọn. Trong số này, chỉ có 6 cổ phiếu đã kín room ngoại, 9 mã có vốn hóa thị trường trên 5 tỷ USD, 15 mã vốn hóa thị trường 1 – 5 tỷ USD, 10 mã có giá trị giao dịch hơn 10 triệu USD/ngày.

HSBC đánh giá đầu tư vào các công ty dẫn dắt thị trường cho phép nhà đầu tư tiếp cận đầy đủ câu chuyện tăng trưởng của Việt Nam và sinh lời. Xét theo tỷ trọng đều, nhóm cổ phiếu dẫn dắt thị trường tăng 237% kể từ năm 2015, vượt trội hơn VN-Index 136%.

Thanh khoản vẫn là vấn đề với các công ty nhỏ hơn trong khi nhóm công ty lớn còn có những yêu cầu về quản trị và công bố thông tin tốt hơn. Dù những cổ phiếu kín room ngoại tốn thêm phí chênh lệch khi giao dịch, chúng vẫn có tăng trưởng lợi nhuận tốt và định giá rẻ hơn so với các công ty tương tự ở châu Á.

Do đó, điều chỉnh theo giá trị, phần phí chênh lệch không có vẻ là quá mức, theo HSBC.

Tính đến 15/3, xuất nhập khẩu tăng hơn 24%, thặng dư 1,81 tỷ USD

Số liệu thống kê sơ bộ mới nhất của Tổng cục Hải quan cho thấy tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 3/2021 (từ ngày 1/3 đến ngày 15/3/2021) đạt 26,36 tỷ USD, tăng 22% so với nửa cuối tháng 2/2021.

Kết quả đạt được trong nửa đầu tháng 3/2021 đã đưa tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước đến hết ngày 15/3 đạt 122,21 tỷ USD, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, tổng trị giá xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 86,91 tỷ USD, tăng hơn 30%; trị giá xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước là 35,3 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Như vậy, trong nửa đầu tháng 3, cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 239 triệu USD. Tính từ đầu năm đến hết ngày 15/3, cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 1,81 tỷ USD.

4 công ty có trụ sở Hà Nội huy động 5.300 tỷ đồng mua dự án 9,6 hecta Quận 2 của Novaland

Cuối tháng 10/2020, CTCP Đầu tư Tập đoàn Địa ốc Nova (Novaland) tiến hành tăng vốn cho Công ty TNHH Nova Nippon (một công ty con) thêm 1.510 tỷ đồng lên mức 3.908 tỷ đồng.

Cùng thời điểm đó Novaland thực hiện sáp nhập Công ty TNHH Bất động sản Phúc Bình (Phúc Bình) vào CTCP Đầu tư Bất động sản Vương Gia (Vương Gia).

Ngày 25/11/2020, công ty Vương Gia được Novaland cho sáp nhập vào Nova Nippon.

Tháng 12/2020, Nova Nippon và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sun City (Sun City) được Novaland chuyển nhượng thu về 6.548 tỷ đồng. Lợi nhuận từ giao dịch khoảng 797 tỷ đồng.

Trên thực tế, Nova Nippon là công ty mẹ của Sun City, sở hữu 74,9%. Sun City được biết đến là chủ đầu tư một dự án quy mô 9,6 ha tại đường Mai Chí Thọ, Quận 2, TP HCM.

Được biết, nhóm công ty từng thuộc sở hữu của Novaland, mà đại diện là Nova Nippon đã được bán lại cho 4 công ty có trụ sở tại Hà Nội, bao gồm:

- Công ty TNHH Đầu tư Phú Thịnh Phát (Phú Thịnh Phát)
- Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Du lịch Hoàng Trường (Hoàng Trường)
- Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu Đức Mai (Đức Mai)
- Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Quản lý Biển Đông (Biển Đông)

Theo đó lần lượt Đức Mai, Hoàng Trường và Phú Thịnh Phát sở hữu 41,593%, 35,552% và 22,855% tại Nova Nippon. Trong khi đó Biển Đông nắm 25,118% tại Sun City.

Biên lãi gộp sụt mạnh, May TNG báo lãi 2 tháng đầu năm giảm 40%

Công ty Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) công bố BCTC tháng 2 với doanh thu tăng nhẹ 3% đạt 266 tỷ đồng. Giá vốn tăng mạnh hơn 12,4% nên lãi gộp giảm 39% xuống 30,3 tỷ đồng. Biên lãi gộp giảm từ 19,3% về 11,2%.

Doanh nghiệp giảm đáng kể chi phí bán hàng từ 9,6 tỷ về 4,2 tỷ đồng, chi phí quản lý cũng giảm từ 16,7 tỷ về 13,6 tỷ đồng. Theo đó, doanh nghiệp dật may ghi nhận lãi 3 tỷ tháng 2, giảm 76% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 2 tháng đầu năm, TNG ghi nhận 583 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 12,5%; lãi sau thuế 15,5 tỷ đồng, giảm 40% so với cùng kỳ năm trước. Biên lãi gộp giảm từ 19,5% về 12,7%.

Về tình hình đơn hàng, doanh nghiệp cho biết đã xuống chi tiết hết quý II, đang triển khai nhanh đơn hàng, đưa đi gia công thêm và lên kế hoạch đàm phán chi tiết cho kế hoạch sản xuất quý III.

VCSC trình chia cổ tức tiền mặt 2020 tỷ lệ 30%, thưởng cổ phiếu tỷ lệ 1:1

Dựa trên dự báo VN-Index dao động quanh 1250 điểm vào cuối năm 2021, HĐQT đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2021 gồm doanh thu hoạt động 2.050 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.250 tỷ đồng; lần lượt tăng 18% và 31% so với năm trước. Cổ tức dự kiến 10-15%.

Mảng ngân hàng đầu tư (IB) của Chứng khoán Bản Việt trong năm 2020 ghi nhận giảm 44% doanh thu xuống 25 tỷ đồng. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các hoạt động huy động vốn, M&A xuyên quốc gia bị ngưng trệ dẫn tới việc quy mô cũng như giá trị của các giao dịch giảm nhiều.

Sang năm 2021, ban lãnh đạo VCSC dự báo thị trường M&A và huy động vốn sẽ bắt đầu “nóng” dần trở lại. Lãnh đạo VCSC khẳng định hoạt động ngân hàng đầu tư sẽ bứt phá, các hợp đồng đang thực hiện có giá trị giao dịch lớn, ước tính khoảng 40.000 tỷ đồng trong năm 2021 ở các lĩnh vực tài chính tiêu dùng, hàng tiêu dùng, logistics...

Thưởng cổ phiếu tỷ lệ 1:1, tăng vốn lên 3.300 tỷ đồng

Năm 2020, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu hoạt động tăng 12% lên 1.729 tỷ đồng, chủ yếu nhờ hoạt động đầu tư chứng khoán tăng 29% ghi nhận 889 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 769 tỷ đồng, tăng 11% so với 2019.

Với kết quả đạt được năm 2020, HĐQT trình phương án chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 30% bằng tiền mặt, tương đương giá trị thanh toán 496 tỷ đồng. Trong đó, doanh nghiệp đã tạm ứng cổ tức 2020 đợt 1 tỷ lệ 10%, tương đương 166 tỷ đồng.

Cùng với đó, VCSC sẽ phát hành 166,5 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 1:1 từ nguồn vốn chủ sở hữu (thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác...). Vốn điều lệ sau phát hành gấp đôi lên 3.330 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2021, sau khi thực hiện xong phát hành cổ phiếu ESOP.

Hợp ĐHCĐ VNDirect: Quý I ước đạt 40% kế hoạch lợi nhuận năm 2021

Về kết quả kinh doanh năm 2021, ở kịch bản cơ sở, VNDirect kỳ vọng doanh thu công ty mẹ năm 2021 đạt 2.556 tỷ đồng, tăng 20% so với mức thực hiện năm 2020. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ mục tiêu năm 2021 là 880 tỷ đồng, tăng 28%.

Ở kịch bản tích cực, VNDirect kỳ vọng công ty mẹ sẽ thu về 1.281 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 50% so với mức thực hiện năm 2020. Ngược lại, ở kịch bản tiêu cực, kế hoạch lãi trước thuế đi lùi với con số dự kiến thu về là 827 tỷ đồng, giảm 3%.

Theo dự báo của ban lãnh đạo VNDirect, kịch bản cơ sở của VN-Index trong năm 2021 có thể nằm trong khoảng 1.180-1.230 điểm. Trong kịch bản tích cực VN-Index nằm trong khoảng 1.280-1.330 điểm. Kịch bản tiêu cực chỉ số này nằm trong 1.100-1.150 điểm.

Về kết quả kinh doanh quý I, bà Hương dự kiến hoàn thành được 40% (440 tỷ đồng) kế hoạch lợi nhuận trước thuế 1.100 tỷ đồng của năm 2021, gấp 6 lần thực hiện cùng kỳ năm 2020.

Cao su Phước Hòa (PHR) đặt kế hoạch lãi trước thuế 751 tỷ đồng năm 2021

CTCP cao su Phước Hòa (mã chứng khoán PHR) công bố báo cáo thường niên năm 2020, trong đó ghi nhận định hướng phát triển theo hướng chuyển đổi đất trồng cao su sang làm khu công nghiệp – đô

thị - dịch vụ. Hiện Cao su Phước Hòa đang xin ý kiến chỉ đạo, thực hiện các thủ tục, hồ sơ liên quan về việc phê duyệt chủ trương thực hiện.

Kế hoạch cụ thể, mảng sản xuất kinh doanh, công ty chủ động quy hoạch lại diện tích trồng cao su, tập trung nghiên cứu, phát triển các giống cây trồng có năng suất cao, trữ lượng gỗ, khả năng chống chịu bệnh tốt.

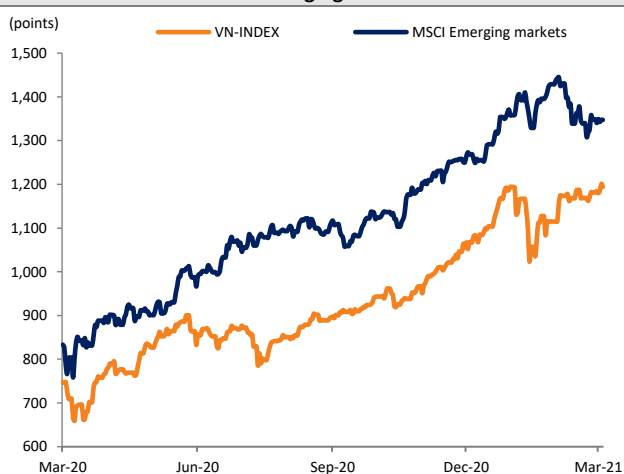
Trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, trên cơ sở quỹ đất hiện có, sẽ thực hiện lộ trình chuyển đổi sang làm khu công nghiệp, dịch vụ, đô thị. Trước mắt giai đoạn 2020-2025 sẽ triển khai mở rộng KCN Tân Bình 1.055ha (giai đoạn 2), làm chủ đầu tư 2 KCN – Đô thị - Dịch vụ (Hội Nghĩa 715ha và Bình Mỹ 1.002ha), KCN Tân Lập I - 201,62ha.

Năm 2021 được dự báo tiếp tục là một năm khó khăn, nhất là đối với hoạt động khai thác mỏ cao su, khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt, khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Bên cạnh đó, từ năm 2021 trở đi, các dự án tái canh trồng cao su không được miễn tiền thuê đất trong giai đoạn đầu tư cơ bản...

Căn cứ tình hình thực tại, Cao su Phước Hòa đặt mục tiêu sản lượng khai thác năm 2021 đạt 20.900 tấn, sản lượng thu mua 23.400 tấn và sản lượng tiêu thị 33.999 tấn. Giá bán bình quân dự kiến 34,08 triệu đồng/tấn.

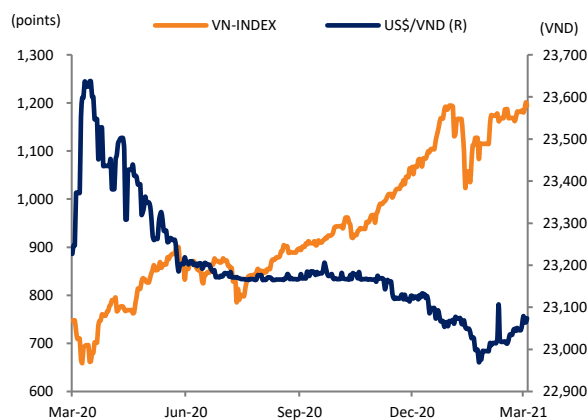
Kế hoạch tài chính, tổng doanh thu cả năm dự kiến đạt 1.921,29 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế ước đạt 750,76 tỷ đồng và chia cổ tức tối thiểu 40%.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



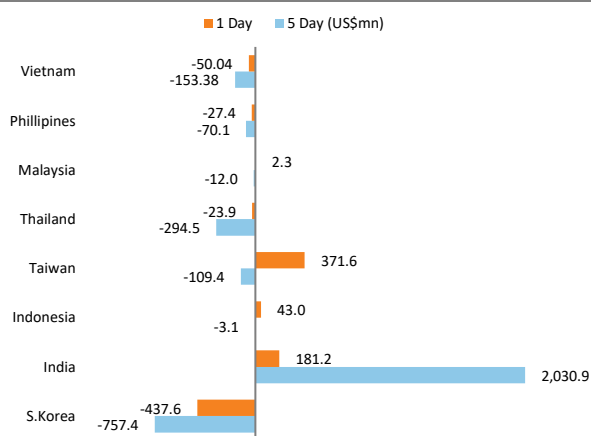
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



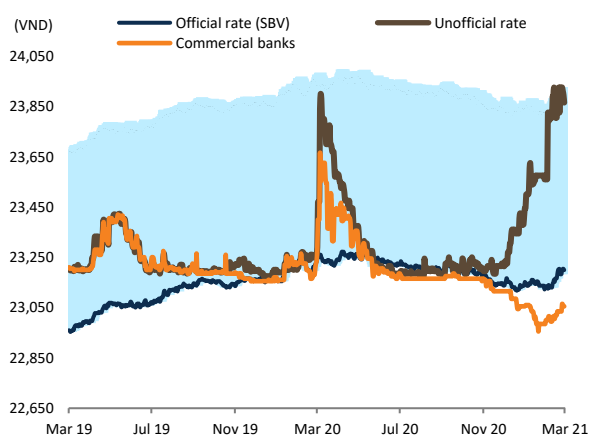
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



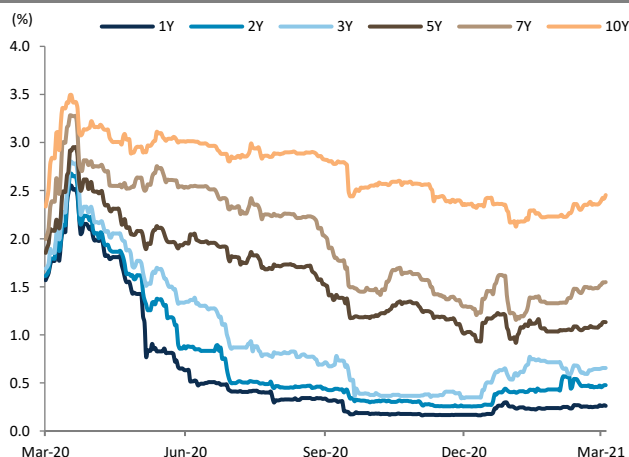
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



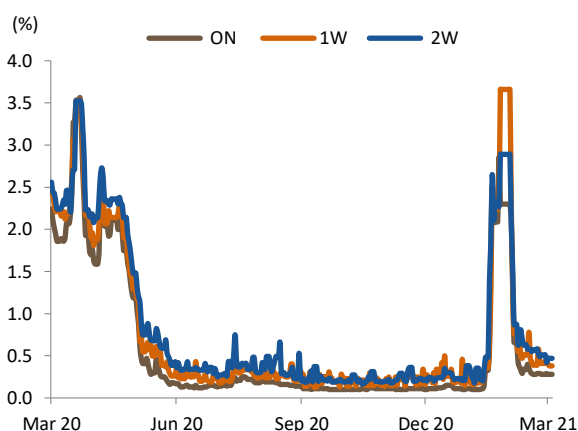
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN30 Index	VN30 Index	1,203.36	3,118,267		-0.7	1.3	1.9	77.1	15.5	13.1	2.3	1.9	18.4	19.3	19.2	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	45,000	180,991	17.1	0.0	3.8	2.0	34.7	18.6	12.3	2.1	1.8	52.2	13.2	16.9	
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	61,000	45,282	27.7	0.5	0.8	-0.8	64.4	27.8	22.3	2.1	2.0	25.0	8.2	9.5	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	40,450	150,612	27.9	-0.1	6.6	9.3	101.2	9.1	8.4	1.5	1.4	7.6	18.1	17.1	
CTCP FPT	FPT VN	79,800	62,556	49.0	-1.5	4.3	4.2	92.4	15.8	13.6	3.5	3.1	15.9	25.1	25.8	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	90,900	173,978	2.8	-1.0	-0.2	2.2	64.4	17.1	16.7	3.3	3.1	2.4	19.9	19.3	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	27,150	43,271	16.9	-1.3	1.9	6.3	114.3	7.9	7.0	NA	NA	13.1	19.5	18.7	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	47,150	156,221	30.4	1.2	1.5	8.5	195.5	9.3	8.4	2.1	1.7	11.4	25.9	23.3	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	32,450	18,133	35.0	0.8	4.2	-4.3	62.3	14.8	11.3	2.1	1.8	31.8	15.5	17.6	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	29,200	81,724	23.1	0.0	3.4	8.8	110.5	8.0	6.7	1.4	1.2	19.2	20.1	20.1	
Tập đoàn Masan	MSN VN	88,700	104,194	32.2	-1.1	1.6	-6.5	80.3	41.6	22.8	5.1	4.1	81.9	14.6	20.9	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	133,000	61,995	49.0	-0.4	1.4	-3.3	75.9	12.5	9.7	3.1	2.6	29.2	27.9	28.7	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	79,000	84,052	6.6	-2.7	-3.9	-1.6	56.7	20.9	19.4	2.5	2.2	7.7	10.4	9.4	
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	68,500	27,138	1.5	0.7	1.9	5.5	228.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	56,300	68,619	16.3	-2.4	1.3	0.2	40.4	21.2	17.2	3.0	2.9	23.3	15.9	17.2	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	84,600	19,235	49.0	-0.4	1.2	-2.6	55.5	15.4	12.3	3.2	2.5	26.0	23.2	24.7	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,400	31,381	5.1	-3.2	-2.5	2.7	58.2	14.4	12.7	1.1	1.0	13.0	7.5	7.9	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	56,200	17,369	49.0	3.9	1.3	-4.1	88.6	9.7	8.1	1.4	1.2	19.9	14.7	15.3	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	23,000	14,195	7.9	-2.1	-3.4	0.7	53.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	33,300	21,508	42.6	0.0	-0.6	0.5	182.0	14.0	13.9	NA	NA	0.5	13.5	12.8	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	19,600	35,352	9.2	-0.5	2.1	4.8	101.0	13.5	8.1	1.2	1.0	66.0	9.1	13.5	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	42,000	147,206	22.5	0.1	4.9	8.5	143.5	10.0	8.6	1.7	1.4	15.1	18.2	17.6	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	23,000	8,612	5.5	-3.4	1.5	-1.3	2.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	28,900	29,815	30.0	-0.3	1.0	4.3	65.8	7.6	5.5	1.4	1.2	38.8	23.3	24.1	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	94,200	349,376	23.5	-3.4	-1.7	-7.0	42.7	16.7	13.4	3.0	2.5	24.7	20.3	21.3	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	97,800	321,714	22.3	-1.9	-2.1	-5.1	42.8	10.4	8.7	2.8	2.2	19.8	30.5	28.2	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	108,400	366,655	14.0	1.7	2.4	-0.6	22.2	47.4	35.5	3.9	3.5	33.5	8.7	11.3	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	130,500	68,361	19.3	-3.3	-3.3	-1.0	33.2	63.2	22.4	4.2	3.3	182.7	7.6	18.8	
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	101,700	212,548	56.6	-0.8	-0.5	-5.8	37.1	19.9	18.3	6.2	5.5	8.9	35.5	34.9	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	45,200	110,955	23.4	-1.4	1.6	11.3	117.3	9.2	7.7	1.7	1.4	19.0	20.4	19.9	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	34,000	77,259	30.9	-2.9	-1.9	-1.4	55.3	26.7	21.3	2.5	2.2	25.6	9.5	11.0	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN-Index	12.49	4,487,816	-0.6	1.1	1.8	64.5	18.4	15.1	2.5	2.41	21.5	13.7	17.7	
Ô tô và phụ tùng	0.08	8,589	1.9	4.0	6.7	62.6	6.3	5.9	1.1	1.0	23.3	11.1	10.8	
Ngân hàng	8.21	1,346,207	-1.0	2.4	4.6	67.3	12.7	10.2	1.9	1.6	19.1	18.2	18.7	
Xây dựng cơ bản	0.47	178,528	1.0	1.3	4.7	103.4	5.5	4.6	0.4	0.3	NA	5.6	5.7	
Dịch vụ thương mại	0.00	4,734	0.3	0.3	2.7	40.7	6.9	5.4	NA	NA	-29.8	11.2	13.2	
May mặc và trang sức	0.06	38,311	0.1	0.7	5.4	156.4	11.7	9.4	2.3	1.8	-5.8	18.2	18.1	
Dịch vụ tiêu dùng	-0.14	9,263	-0.7	-0.6	7.1	40.3	14.3	4.9	NA	NA	NA	3.8	9.9	
Dịch vụ tài chính	0.45	72,387	0.9	2.8	11.0	158.6	8.9	3.9	NA	NA	49.6	8.3	3.6	
Năng lượng	0.11	87,439	-2.3	0.5	0.7	62.4	21.0	16.4	2.5	2.4	-63.4	13.7	14.9	
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.57	545,599	-0.6	0.4	-4.0	55.4	21.4	16.1	4.5	3.9	-14.3	22.4	23.5	
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	971	-0.3	0.4	12.0	59.4	NA	NA	NA	NA	-39.9	NA	NA	
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.05	12,659	-2.8	-1.5	19.9	6.3	7.4	6.5	NA	NA	51.3	24.2	24.3	
Bảo hiểm	0.10	52,251	0.5	0.7	0.0	60.0	24.8	19.9	1.9	1.8	28.7	7.6	8.7	
Nguyên vật liệu	0.29	390,160	-0.1	0.4	9.5	182.5	14.2	14.2	1.1	0.9	62.0	16.0	14.5	
Giải trí và truyền thông	0.00	1,251	0.8	0.0	-1.2	-29.1	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA	
Dược phẩm	0.04	35,498	-0.4	0.5	2.7	37.7	NA	NA	NA	NA	11.8	NA	NA	
Bất động sản	0.47	1,077,774	-0.2	0.3	-1.4	50.6	9.3	8.2	1.7	1.6	-30.0	9.7	9.8	
Bán lẻ	0.30	70,482	-0.4	1.6	-2.7	76.8	23.6	18.2	2.7	2.2	-3.2	14.5	15.0	
Phần mềm và dịch vụ	0.80	67,130	-1.4	4.7	5.0	92.2	11.6	9.0	2.7	2.3	10.1	24.9	25.8	
Thiết bị và phần cứng	0.05	5,203	-1.9	4.0	31.7	523.7	14.7	12.7	3.3	2.9	48.6	23.3	24.0	
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,184	-0.6	3.2	4.2	281.0	13.8	11.1	3.6	2.8	14.2	27.1	26.8	
Vận tải	0.92	178,668	-0.1	2.4	7.1	54.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tiện ích	-0.43	263,173	-1.0	-0.6	2.3	54.4	27.0	10.4	5.2	4.2	-29.0	-20.8	10.8	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index
Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
CTG VN	40,450	6.59	12,368,760	2.48
VIC VN	108,400	2.36	1,670,600	2.26
TCB VN	42,000	4.87	10,716,480	1.82
BID VN	45,000	3.81	3,580,360	1.77
HVN VN	33,550	10.18	2,173,780	1.17
MBB VN	29,200	3.36	14,635,320	0.71
FPT VN	79,800	4.31	2,506,080	0.69
VIB VN	45,700	5.18	669,160	0.67
HPG VN	47,150	1.51	13,550,580	0.62
ACB VN	33,800	2.58	9,560,520	0.49

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	97,800	-2.10	1,947,060	-1.84
VCB VN	94,200	-1.67	1,307,680	-1.58
GVR VN	30,000	-2.91	3,430,680	-0.96
NVL VN	79,000	-3.89	2,762,780	-0.91
VJC VN	130,500	-3.33	594,200	-0.63
VRE VN	34,000	-1.88	5,478,880	-0.39
VNM VN	101,700	-0.49	2,992,340	-0.28
VCG VN	45,000	-4.26	212,400	-0.24
POW VN	13,400	-2.55	18,985,420	-0.22
RIC VN	20,950	-30.05	6,960	-0.17

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.